

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 6 năm 2017. Vốn điều lệ của Công ty là 1.904.349.130.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TASCJOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCJO

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 26/4/2017 đã thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 gồm các thành viên như sau.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
	Bà Trần Hải Yến	Thành viên (bổ nhiệm 26/4/2017)
	Bà Phạm Thị Chi	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Thành viên
	Ông Nguyễn Viết Tân	Thành viên (bổ nhiệm 26/4/2017)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Hà Phương	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập Báo cáo này là ông Hoàng Hà Phương - Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Viết Tân - thành viên Hội đồng Quản trị được ông Hoàng Hà Phương ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 06/UQ-TASCO ngày 21 tháng 8 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Viết Tân

Thành viên Hội đồng Quản trị

Giấy ủy quyền số 06/UQ-TASCO ngày 21/8/2017

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

Số: 660/2017/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 39 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phan Thành Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.936.329.947.397	2.110.035.004.915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	615.498.770.529	428.688.075.454
1. Tiền	111		347.395.610.756	84.155.056.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		268.103.159.773	344.533.018.965
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	59.815.677.076	134.298.370.409
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		59.815.677.076	134.298.370.409
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.097.679.059.961	1.311.592.792.249
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	477.224.683.468	513.538.720.952
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	150.151.858.335	253.385.738.480
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		70.309.202.203	238.920.765.480
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	400.614.176.654	306.368.428.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(620.860.699)	(620.860.699)
IV. Hàng tồn kho	140		47.552.510.207	41.507.715.279
1. Hàng tồn kho	141	5.5	47.552.510.207	41.507.715.279
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.783.929.624	193.948.051.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	17.372.360.123	733.130.886
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95.493.133.602	190.288.614.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	2.918.435.899	2.926.306.540
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.026.530.848.220	7.209.817.657.567
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		281.117.140.816	339.787.328.285
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	186.819.019.957	250.519.019.957
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.200.000.000	16.180.745.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	95.248.120.859	76.237.563.328
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.150.000.000)	(3.150.000.000)
II. Tài sản cố định	220		2.767.400.017.459	2.263.324.433.562
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.765.768.485.781	2.262.819.064.887
- Nguyên giá	222		3.314.702.865.087	2.660.889.516.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(548.934.379.306)	(398.070.451.804)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.631.531.678	505.368.675
- Nguyên giá	228		2.868.862.888	1.566.862.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.237.331.210)	(1.061.494.213)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.6	4.488.078.921.245	4.145.822.652.518
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.488.078.921.245	4.145.822.652.518
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	325.011.545.454	325.406.167.622
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		313.881.545.454	314.276.167.622
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.130.000.000	6.130.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		164.923.223.246	135.477.075.580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	164.923.223.246	135.477.075.580
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
(270 = 100+200)	270		9.962.860.795.617	9.319.852.662.482

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

	MS	TM	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		7.474.909.237.434	6.786.656.136.171
I. Nợ ngắn hạn	310		1.670.687.102.025	1.517.800.792.824
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	519.509.833.313	545.768.292.793
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.929.165.724	51.924.418.156
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	105.630.614.920	158.267.738.027
4. Phải trả người lao động	314		14.416.082.299	18.389.944.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	41.253.194.414	40.444.232.127
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	39.155.104	22.727.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	566.751.984.807	380.722.104.553
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	358.183.425.899	301.508.696.730
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	481.874.303	6.526.106.489
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.491.771.242	14.226.532.331
II. Nợ dài hạn	330		5.804.222.135.409	5.268.855.343.347
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	7.617.173.533	15.158.410.533
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	5.750.740.775	283.659.965
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	959.022.609.992	952.103.446.757
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	4.804.909.089.288	4.278.233.378.817
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.16	26.922.521.821	23.076.447.275
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.487.951.558.183	2.533.196.526.311
I- Vốn chủ sở hữu	410		2.487.951.558.183	2.533.196.526.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.17	1.904.349.130.000	1.763.294.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.904.349.130.000	1.763.294.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	69.724.055.742	69.840.926.959
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.17	100.830.835.329	80.771.817.761
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.17	391.429.988.352	502.306.388.914
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		208.650.750.918	101.783.539.232
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		182.779.237.434	400.522.849.682
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.617.548.760	116.983.232.677
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		9.962.860.795.617	9.319.852.662.482

Người lập

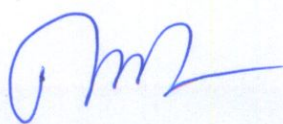
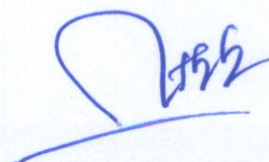
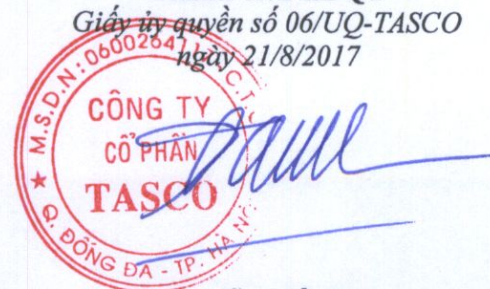
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

Thành viên HĐQT

Giấy ủy quyền số 06/UQ-TASCO

ngày 21/8/2017

Đặng Thị Trung Thu

Trần Thị Thanh

Nguyễn Việt Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.040.934.456.976	1.358.179.032.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	7.272.872.970	172.012.522.935
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.033.661.584.006	1.186.166.509.068
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	687.034.171.489	850.534.458.029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		346.627.412.517	335.632.051.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	17.768.979.458	23.099.221.313
7. Chi phí tài chính	22	5.23	88.781.943.438	113.235.324.822
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		86.593.581.344	99.822.224.822
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		8.508.747.232	14.541.142.379
9. Chi phí bán hàng	25		14.240.655.754	27.806.519.680
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		51.639.381.405	47.134.113.117
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		218.243.158.610	185.096.457.112
12. Thu nhập khác	31		5.079.404.921	2.927.219.685
123. Chi phí khác	32		3.414.164.023	725.463.339
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.665.240.898	2.201.756.346
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		219.908.399.508	187.298.213.458
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	38.857.337.991	27.893.458.451
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		181.051.061.517	159.404.755.007
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		182.779.237.434	159.214.407.541
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.728.175.917)	190.347.366
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.031	1.200

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

Thành viên HĐQT

Giấy ủy quyền số 06/UQ-TASCO

ngày 21/8/2017



Đặng Thị Trung Thu

Trần Thị Thanh

Nguyễn Việt Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	219.908.399.508	187.298.213.458
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	151.028.258.398	77.678.722.940
- Các khoản dự phòng	03	(1.668.778.586)	5.931.558.182
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.273.250	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.266.725.081)	(37.640.363.692)
- Chi phí lãi vay	06	86.622.747.344	99.822.224.822
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	429.625.174.833	333.090.355.710
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	367.387.270.894	145.761.162.515
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.044.794.928)	(4.018.099.994)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(152.373.064.848)	(357.879.049.001)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(46.085.376.903)	(30.822.975.101)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(120.295.107.629)	(99.822.224.822)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(60.365.620.139)	(40.608.472.370)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.552.727.273	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.624.157.547)	(6.532.800.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	414.777.051.006	(60.832.103.883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(591.915.533.483)	(1.339.307.028.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.059.416.494.348
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(105.765.757.860)	(667.765.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	239.758.775.704	87.287.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.928.279.869	14.196.054.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(445.994.235.770)	(846.172.479.940)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	510.531.830.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	536.802.244.701	774.772.902.947
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(207.800.507.532)	(415.446.317.885)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(110.973.857.330)	(85.525.347.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	218.027.879.839	784.333.067.567
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	186.810.695.075	(122.671.516.256)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	428.688.075.454	576.880.129.477
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	615.498.770.529	454.208.613.221

Người lập

Đặng Thị Trung Thu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

Thành viên HĐQT

Giấy ủy quyền số 06/UQ-TASCO
ngày 21/8/2017



Nguyễn Viết Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09a-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 06 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TASCO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 18 của Công ty là 1.904.349.130.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 169 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Hoạt động kinh doanh bất động sản, đầu tư hạ tầng theo hình thức BOT, BT, dịch vụ y tế, quản lý, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51	51	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51	51	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	51	51	Dịch vụ, xây lắp
4	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
6	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Xây lắp
7	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Xây lắp
8	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư bệnh viện
9	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Hà Nội	100	100	Đào tạo
10	Công ty TNHH MTV Malarica	Hòa Bình	100	100	Nông nghiệp
11	Công ty CP Bệnh viện Mắt Hà Nội 2	Hà Nội	51%	51%	Y tế
12	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ
Công ty con sở hữu gián tiếp					
1	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	98,26%	98,26%	Dịch vụ thu phí
Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30	30	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30	30	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20	20	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Hà Nội	35,4	35,4	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thăng-Phú Thọ	Phú Thọ	30	30	Xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành các nghị quyết:

- + Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐQT ngày 18/1/2017 về việc đầu tư dự án thực phẩm sạch tại xã Hợp Thành, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình và mua lại toàn bộ vốn góp của bà Đỗ Thị Hồng Việt tại Công ty TNHH MTV Malarica để triển khai đầu tư, khai thác Dự án.
- + Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 23/3/2017 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco để thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, đầu tư kinh doanh cây xanh đô thị, cảnh quan đô thị.
- + Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 23/6/2017 về việc tăng vốn góp và tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần VETC, theo đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần VETC tăng từ 51% lên 97,82%.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc		05 - 25
Máy móc và thiết bị		05 - 08
Thiết bị văn phòng		03 - 10
Phương tiện vận tải		06 - 10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	3.632.438.198	5.153.429.454
Tiền gửi ngân hàng	343.763.172.558	79.001.627.035
Các khoản tương đương tiền	268.103.159.773	344.533.018.965
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>268.103.159.773</i>	<i>344.533.018.965</i>
Tổng	615.498.770.529	428.688.075.454

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	59.815.677.076	59.815.677.076	134.298.370.409	134.298.370.409
Tiền gửi có kỳ hạn	59.815.677.076	59.815.677.076	134.298.370.409	134.298.370.409
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	64.815.677.076	64.815.677.076	139.298.370.409	139.298.370.409

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	313.881.545.454	314.276.167.622
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	226.301.250.827	228.722.156.268
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	71.027.982.429	69.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Thái An	13.309.915.911	13.309.915.911
Công ty CP Tasco Thăng Long	1.782.399.185	1.784.098.341
Công ty CP D - Tech	1.459.997.102	1.459.997.102
Đầu tư vào đơn vị khác	6.130.000.000	6.130.000.000
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Cotabig	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TIC	1.330.000.000	1.330.000.000
Tổng	320.011.545.454	320.406.167.622

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	477.224.683.468	513.538.720.952
Ban QLDA Đầu tư XD các Công trình Giao thông Thái Bình	65.063.999	36.212.678.138
Phải thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định	29.965.993.350	66.645.993.350
Phải thu các đối tượng khác	447.193.626.119	410.680.049.464
Phải thu khách hàng dài hạn	186.819.019.957	250.519.019.957
Phải thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình	186.819.019.957	250.519.019.957
Tổng	664.043.703.425	764.057.740.909

5.4 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	400.614.176.654	-	306.368.428.036	-
Phải thu cổ tức	8.903.369.400	-	6.153.983.574	-
Ký cược, ký quỹ	73.970.000	-	99.470.000	-
Tạm ứng	49.020.122.395	-	30.263.010.737	-
Phải thu khác	342.616.714.859	-	269.851.963.725	-
<i>Ban QLDA Quận Nam Từ Liêm</i>	<i>27.284.014.016</i>	<i>-</i>	<i>27.284.014.016</i>	<i>-</i>
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm</i>	<i>9.915.967.405</i>	<i>-</i>	<i>11.616.738.417</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	<i>305.416.733.438</i>	<i>-</i>	<i>230.951.211.292</i>	<i>-</i>
Dài hạn	95.248.120.859	(3.150.000.000)	76.237.563.328	(3.150.000.000)
Ký cược, ký quỹ	3.700.761.531	(3.150.000.000)	3.652.528.023	(3.150.000.000)
Phải thu khác	91.547.359.328	-	72.585.035.305	-
Tổng	495.862.297.513	(3.150.000.000)	382.605.991.364	(3.150.000.000)

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.621.923.068	-	1.217.476.354	-
Công cụ, dụng cụ	1.918.706.213	-	1.162.639.091	-
Chi phí SX KDDD	35.374.879.687	-	35.213.100.481	-
Thành phẩm	404.378.698	-	350.999.290	-
Hàng hóa	7.232.622.541	-	3.563.500.063	-
Tổng	47.552.510.207	-	41.507.715.279	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Khu đô thị Pháp Vân	130.062.564.168	89.965.822.877
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	-	39.518.200.007
Dự án ĐT xây dựng từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70 theo hình thức hợp đồng BT	1.133.652.114.786	961.756.394.942
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng (Xuân Phương Residence)	355.401.398.816	235.949.683.580
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương - Foresa villa (dự án hoàn vốn dự án BT Lê Đức Thọ)	39.605.022.534	184.626.798.292
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh- Hoài Đức	268.605.288.978	266.895.933.254
Dự án 48 Trần Duy Hưng quận Cầu Giấy (hoàn vốn cho dự án BT Lê Đức Thọ)	3.167.284.538	2.538.487.409
Dự án BT39	22.544.482.815	21.700.434.391
Dự án quốc lộ BOT39	116.978.688.722	394.971.527.498
Dự án BOT Quảng Bình	-	119.679.188.726
Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BOT (BOT21)	-	58.379.860.986
Dự án Đơn vị ở 1 - KĐT Mỹ Đình Nam Từ Liêm (dự án hoàn vốn cho BT Lê Đức Thọ)	7.203.858.135	4.360.782.799
Dự án quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn (hình thức BOT)	1.667.370.744.774	1.225.263.830.889
Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe (theo hình thức BOO)	606.679.066.802	516.261.007.037
Các Dự án đầu tư Bệnh viện	11.065.367.835	-
Dự án Đầu tư Bệnh viện Mắt cơ sở 2	107.882.167.791	-
Các dự án khác	17.860.870.551	23.954.699.831
Tổng	4.488.078.921.245	4.145.822.652.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	26.285.074.127	8.626.198.090	30.121.631.634	10.285.798.298	2.585.570.814.542	2.660.889.516.691
Tăng trong kỳ	415.319.568.650	54.496.723.885	-	489.827.197	184.341.119.573	654.647.239.305
Mua trong kỳ	-	-	-	489.827.197	58.472.203.641	58.962.030.838
Đầu tư XDCB hoàn thành	414.081.485.040	54.425.009.600	-	-	125.868.915.932	594.375.410.572
Tăng do hợp nhất	1.238.083.610	71.714.285	-	-	-	1.309.797.895
Giảm trong kỳ	-	68.000.000	765.890.909	-	-	833.890.909
Thanh lý, nhượng bán	-	68.000.000	765.890.909	-	-	833.890.909
Số dư tại 30/06/2017	441.604.642.777	63.054.921.975	29.355.740.725	10.775.625.495	2.769.911.934.115	3.314.702.865.087
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2017	14.360.528.661	4.532.266.445	11.022.362.264	5.651.343.165	362.503.951.269	398.070.451.804
Tăng trong kỳ	3.325.546.005	1.625.045.431	2.288.521.756	345.446.831	143.476.166.173	151.060.726.196
Khấu hao trong kỳ	3.289.182.356	1.553.331.146	2.288.521.756	345.446.831	143.476.166.173	150.952.648.262
Tăng do hợp nhất	36.363.649	71.714.285	-	-	-	108.077.934
Giảm trong kỳ	-	37.238.089	159.560.605	-	-	196.798.694
Thanh lý, nhượng bán	-	37.238.089	159.560.605	-	-	196.798.694
Số dư tại 30/06/2017	17.686.074.666	6.120.073.787	13.151.323.415	5.996.789.996	505.980.117.442	548.934.379.306
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	11.924.545.466	4.093.931.645	19.099.269.370	4.634.455.133	2.223.066.863.273	2.262.819.064.887
Tại 30/06/2017	423.918.568.111	56.934.848.188	16.204.417.310	4.778.835.499	2.263.931.816.673	2.765.768.485.781

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	102.878.251	1.463.984.637	1.566.862.888
Tăng trong kỳ	-	1.302.000.000	1.302.000.000
Mua trong kỳ	-	1.302.000.000	1.302.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	<u>102.878.251</u>	<u>2.765.984.637</u>	<u>2.868.862.888</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	42.960.000	1.018.534.213	1.061.494.213
Tăng trong kỳ	2.143.296	173.693.701	175.836.997
Khấu hao trong kỳ	2.143.296	173.693.701	175.836.997
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	<u>45.103.296</u>	<u>1.192.227.914</u>	<u>1.237.331.210</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	<u>59.918.251</u>	<u>445.450.424</u>	<u>505.368.675</u>
Tại 31/12/2016	<u>57.774.955</u>	<u>1.573.756.723</u>	<u>1.631.531.678</u>

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	17.372.360.123	733.130.886
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.836.526.809	245.452.000
Chi phí lãi vay	13.228.268.174	-
Chi phí khác	1.307.565.140	487.678.886
Dài hạn	164.923.223.246	135.477.075.580
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.370.058.991	3.344.345.320
Chi phí lãi vay	146.237.476.034	113.751.332.624
Chi phí khác	8.315.688.221	18.381.397.636
Tổng	<u>182.295.583.369</u>	<u>136.210.206.466</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính**a. Các khoản vay***Đơn vị tính: VND***a. Vay**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	358.183.425.899	358.183.425.899	212.867.913.935	156.193.184.766	301.508.696.730	301.508.696.730
Ngân hàng SHB -CN Thăng Long	16.753.308.358	16.753.308.358	34.735.054.967	40.984.720.331	23.002.973.722	23.002.973.722
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN SGD3	321.814.157.508	321.814.157.508	57.758.166.330	-	264.055.991.178	264.055.991.178
Vay đối tượng khác	19.615.960.033	19.615.960.033	120.374.692.638	115.208.464.435	14.449.731.830	14.449.731.830
Vay dài hạn	4.540.946.070.621	4.540.946.070.621	665.973.205.139	139.952.287.201	4.014.925.152.683	4.014.925.152.683
Ngân hàng BIDV - CN Nam Định	2.127.141.716.640	2.127.141.716.640	14.753.290.600	102.353.787.200	2.214.742.213.240	2.214.742.213.240
- Vay cho các dự án BOT	1.811.968.801.298	1.811.968.801.298	14.753.290.600	1.970.000.000	1.799.185.510.698	1.799.185.510.698
- Vay cho các dự án BT	315.172.915.342	315.172.915.342	-	100.000.000.000	415.172.915.342	415.172.915.342
- Vay cho các dự án/hoạt động khác	-	-	-	383.787.200	383.787.200	383.787.200
Ngân hàng PT Việt Nam - CN Nam Định	594.314.780.000	594.314.780.000	66.800.643.000	37.476.000.000	564.990.137.000	564.990.137.000
- Vay cho các dự án BOT	594.314.780.000	594.314.780.000	66.800.643.000	37.476.000.000	564.990.137.000	564.990.137.000
Ngân hàng VCB - CN Hà Nội	1.723.267.980.082	1.723.267.980.082	488.675.177.639	-	1.234.592.802.443	1.234.592.802.443
- Vay cho các dự án BOT	1.723.267.980.082	1.723.267.980.082	488.675.177.639	-	1.234.592.802.443	1.234.592.802.443
Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội	94.584.093.900	94.584.093.900	94.584.093.900	-	-	-
- Dự án Bệnh viện Mắt Hà Nội - Cơ sở 2	94.584.093.900	94.584.093.900	94.584.093.900	-	-	-
NH TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	1.087.499.999	1.087.499.999	1.160.000.000	72.500.001	-	-
- Dự án Bệnh viện Mắt Hà Nội - Cơ sở 2	1.087.499.999	1.087.499.999	1.160.000.000	72.500.001	-	-
Vay đối tượng khác	550.000.000	550.000.000	-	50.000.000	600.000.000	600.000.000
Tổng	4.899.129.496.520	4.899.129.496.520	878.841.119.074	296.145.471.967	4.316.433.849.413	4.316.433.849.413



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Thăng Long:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 116/HĐHM-PN/SHB.110600 ngày 27/4/2017, mức dư nợ tối đa: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 27/4/2017, lãi suất vay thả nổi.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 3:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn bắc cầu số 01/2016/232424/HĐTD ngày 30/06/2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 3, mức dư nợ tối đa là 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng chẵn), giới hạn tín dụng được duy trì 11 tháng kể từ ngày phát sinh khoản giải ngân/bảo lãnh/mở LC đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các khoản chi phí thực hiện dự án Thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh qua đoạn Tây Nguyên theo hình thức hợp đồng BOO do liên danh Công ty Cổ phần Tasco và Công ty Cổ phần VETC là Nhà đầu tư được phê duyệt theo quyết định số 4390/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, lãi suất cho vay xác định tại từng thời điểm nhận nợ.

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT và các dự án BOT.

+ Đối với các dự án BOT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty đang thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho ba dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình (BOT10); Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21). Dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình.

+ Đối với dự án BT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn vốn trái phiếu chính phủ đã bố trí cho dự án theo hợp đồng BT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng tín dụng đầu tư nhà nước số 02/2016/HĐTĐĐT-NHPT ngày 02/06/2016, số tiền vay tối đa 369.000.000.000 đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay để đầu tư dự án “Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên. Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

+ Hợp đồng số 02/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTĐ/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

+ Hợp đồng số 01/2013/HĐTĐ/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phẩy năm phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTĐ/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**b. Trái phiếu phát hành**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Kỳ hạn	Giá trị	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	265.600.000.000	3 năm	265.600.000.000	3 năm
- Chi phí phát hành trái phiếu (2)	1.636.981.333	-	2.291.773.866	-
Giá trị thu được {(3)=(1)-(2)}	263.963.018.667		263.308.226.134	

Thông tin về trái phiếu phát hành như sau:

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Mã trái phiếu: HUT-CB2015. Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ. Số lượng trái phiếu phát hành: 500.000 trái phiếu. Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 đồng. Tổng mệnh giá phát hành: 500.000.000.000 đồng. Thời điểm phát hành: 24/9/2015. Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm. Thời điểm và tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu dự kiến: Vào ngày tròn năm thứ nhất: trái chủ được chuyển đổi 20% giá trị trái phiếu sở hữu; Vào ngày tròn năm thứ hai: trái chủ được chuyển đổi thêm 40% giá trị trái phiếu sở hữu; Vào ngày đáo hạn của trái phiếu: Trái chủ được chuyển đổi toàn bộ giá trị trái phiếu sở hữu còn lại; Tại mỗi kỳ chuyển đổi, nếu trái chủ không thực hiện chuyển đổi hoặc chỉ thực hiện chuyển đổi một phần thì có quyền thực hiện chuyển đổi phần còn lại tại kỳ chuyển đổi tiếp theo. Quyền chuyển đổi: Quyền chuyển đổi thuộc về trái chủ. Phương thức thanh toán lãi và gốc trái phiếu: Lãi trái phiếu được thanh toán 06 tháng/lần; Gốc trái phiếu không được chuyển đổi sẽ được thanh toán 01 lần bằng mệnh giá vào ngày đáo hạn. Lãi Trái phiếu thả nổi: Được xác định bằng trung bình cộng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm: (i) BIDV – Sở Giao dịch I; (ii) Vietinbank – Sở giao dịch, (iii) Vietcombank – chi nhánh Hà Nội; (iv) OCB Sở Giao dịch tại ngày xác định lãi suất + Biên độ 3%. Giá chuyển đổi trái phiếu: Bằng 80% giá bình quân của 10 phiên giao dịch cổ phiếu liên tiếp trước ngày bắt đầu thực hiện chuyển đổi nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 10.000 đồng/Cổ phiếu.

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	519.509.833.313	556.537.484.293	545.768.292.793	545.768.292.793
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	16.630.380.332	16.630.380.332	28.635.711.965	28.635.711.965
Công ty TNHH Hợp Tiến	2.313.125.987	2.313.125.987	6.345.588.232	6.345.588.232
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	12.363.620.413	12.363.620.413	48.884.671.362	48.884.671.362
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	9.256.004.430	46.391.279.750	46.391.279.750	46.391.279.750
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	144.119.355.990	144.011.731.650	144.011.731.650	144.011.731.650
Phải trả đối tượng khác	334.827.346.161	334.827.346.161	271.499.309.834	271.499.309.834
b. Dài hạn	7.617.173.533	7.617.173.533	15.158.410.533	15.158.410.533
Phải trả đối tượng khác	7.617.173.533	7.617.173.533	15.158.410.533	15.158.410.533
Tổng	527.127.006.846	564.154.657.826	560.926.703.326	560.926.703.326

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
Phải nộp	158.267.738.027	85.488.471.085	138.125.594.192	105.630.614.920
Thuế giá trị gia tăng	109.497.558.634	35.544.501.317	73.200.901.064	71.841.158.887
Thuế TNDN	47.280.356.660	40.197.519.914	60.365.620.139	27.112.256.435
Thuế thu nhập cá nhân	1.137.178.984	9.181.406.891	3.723.217.322	6.595.368.553
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	273.940.184	209.341.772	64.598.412
Thuế tài nguyên	-	55.992.000	50.552.000	5.440.000
Thuế khác	352.643.749	235.110.779	575.961.895	11.792.633
Phải thu	2.926.306.540	31.777.506	23.906.865	2.918.435.899
Thuế GTGT nộp thừa	96.933.800	-	-	96.933.800
Thuế TNDN nộp thừa	2.829.372.740	31.777.506	20.173.273	2.817.768.507
Thuế TNCN nộp thừa	-	-	733.592	733.592
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	41.253.194.414	40.444.232.127
Trích trước giá vốn các Dự án	29.098.426.353	13.310.749.578
Trích trước lãi trái phiếu chuyển đổi, lãi vay	8.694.375.312	19.378.209.890
Chi phí phải trả khác	3.460.392.749	7.755.272.659
Tổng	41.253.194.414	40.444.232.127

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	39.155.104	22.727.272
Doanh thu nhận trước	39.155.104	22.727.272
Dài hạn	5.750.740.775	283.659.965
Doanh thu nhận trước	5.750.740.775	283.659.965
Tổng	5.789.895.879	306.387.237

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.15 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	566.751.984.807	380.722.104.553
Kinh phí công đoàn	328.509.274	252.000.091
Bảo hiểm xã hội	679.920.659	180.287.156
Bảo hiểm y tế	129.538.300	30.892.194
Bảo hiểm thất nghiệp	58.780.047	13.835.421
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	71.830.027.384	7.054.031.620
Phải trả, phải nộp khác	493.725.209.143	373.191.058.071
Dài hạn	959.022.609.992	952.103.446.757
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	376.475.300.000	376.475.300.000
CP sử dụng đất DA ĐV ở 3 - Đối trừ BT Lê Đức Thọ	394.382.773.742	332.362.670.049
Các khoản phải trả dài hạn khác	188.164.536.250	243.265.476.708
Tổng	1.525.774.594.799	1.332.825.551.310

Trong đó:

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

Phải trả dài hạn khác gồm các hợp đồng góp vốn, các thỏa thuận đặt cọc để Công ty thực hiện các dự án.

5.16 Dự phòng phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	481.874.303	6.526.106.489
Trích trước chi phí trung tu, đại tu cầu đường của BOT QL10, QL21	481.874.303	6.526.106.489
Dài hạn	26.922.521.821	23.076.447.275
Trích trước chi phí đại tu BOT QL21	26.922.521.821	23.076.447.275
Tổng	27.404.396.124	29.602.553.764

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 **Vốn chủ sở hữu****a.** **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	1.284.047.330.000	70.238.348.433	72.781.820.671	291.843.960.332	1.718.911.459.436
Tăng trong năm					
Tăng vốn	479.246.830.000	-	-	-	479.246.830.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.989.997.090	-	7.989.997.090
Lãi trong năm	-	-	-	403.235.110.153	403.235.110.153
Giảm trong năm					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	190.060.421.100	190.060.421.100
Chia trả cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	397.421.474	-	2.712.260.471	3.109.681.945
Số dư tại 31/12/2016	1.763.294.160.000	69.840.926.959	80.771.817.761	502.306.388.914	2.416.213.293.634
Số dư tại 01/01/2017	1.763.294.160.000	69.840.926.959	80.771.817.761	502.306.388.914	2.416.213.293.634
Tăng trong kỳ					
Tăng vốn	141.054.970.000	-	-	-	141.054.970.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	182.779.237.434	182.779.237.434
Phân phối lợi nhuận	-	-	20.059.017.568	-	20.059.017.568
Tăng khác	-	-	-	33.636.364	33.636.364
Giảm trong kỳ					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	292.544.561.200	292.544.561.200
Giảm khác (*)	-	116.871.217	-	1.144.713.160	1.261.584.377
Số dư tại 30/06/2017	1.904.349.130.000	69.724.055.742	100.830.835.329	391.429.988.352	2.466.334.009.423

(*) Thặng dư vốn cổ phần giảm do các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu, phí đăng ký, quản lý niêm yết chứng khoán bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông khác	1.904.349.130.000	1.763.294.160.000
Tổng	1.904.349.130.000	1.763.294.160.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.763.294.160.000	1.284.047.330.000
Vốn góp tăng trong kỳ	141.054.970.000	400.126.830.000
Vốn góp tại cuối kỳ	1.904.349.130.000	1.684.174.160.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	264.485.561.200	89.883.313.100

Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 26/4/2017, tổng số chi trả cổ tức 2016 là 264.494.124.000 đồng, trong đó, trả cổ tức bằng cổ phiếu 8% Vốn điều lệ là 141.063.532.800 đồng, trả cổ tức bằng tiền 7% Vốn điều lệ là 123.430.591.200 đồng. Cổ tức, lợi nhuận đã chia thực tế là 264.485.561.200 đồng, trong đó chia bằng cổ phiếu là 141.054.970.000, chia bằng tiền 123.430.591.200 đồng.

d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	190.434.913	176.329.416
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	190.434.913	176.329.416
Cổ phiếu phổ thông	190.434.913	176.329.416
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	190.434.913	176.329.416
Cổ phiếu phổ thông	190.434.913	176.329.416
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**Nợ khó đòi đã xử lý**

STT	Khách nợ	Số tiền nợ (VND)
1	Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
2	Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
3	VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
4	UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
5	Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
6	Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
7	Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phú Lý	34.135.000
8	Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
9	Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
10	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
11	Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
12	Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
13	Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
14	Phạm Đăng Khởi	11.649.400
15	Vũ Văn Dũng	27.694.731
16	Phạm Văn Toàn	22.165.608
17	Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
18	Ban QLDA đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
Tổng		1.225.255.123

Nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi: Khách nợ không có khả năng chi trả.

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu hoạt động thu phí	290.664.263.657	203.609.437.269
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	71.128.430.582	136.949.103.573
Doanh thu hợp đồng xây dựng	80.586.679.047	41.438.959.794
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	598.555.083.690	976.181.531.367
Tổng	1.040.934.456.976	1.358.179.032.003

5.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giảm giá hàng bán	4.948.502.509	27.178.258.363
Hàng bán bị trả lại	2.324.370.461	144.834.264.572
Tổng	7.272.872.970	172.012.522.935

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.21 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động thu phí	156.991.256.940	94.029.953.468
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	65.981.266.221	119.623.418.377
Giá vốn hợp đồng xây dựng	66.079.328.255	14.615.603.298
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	397.982.320.073	622.265.482.886
Tổng	687.034.171.489	850.534.458.029

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.768.979.458	13.295.851.913
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.803.369.400
Tổng	17.768.979.458	23.099.221.313

5.23 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	86.593.581.344	99.822.224.822
Chi phí tài chính khác	2.188.362.094	13.413.100.000
Tổng	88.781.943.438	113.235.324.822

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	38.857.337.991	27.893.458.451
Tổng	38.857.337.991	27.893.458.451

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	4.790.335.574	3.741.766.540
Tổng		4.790.335.574	3.741.766.540
Bên liên quan		6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016

Giao dịch mua

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

60.694.304.546

-

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
1. Các khoản phải thu	2.015.164.800	2.015.164.800
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	1.515.400.000	1.515.400.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	148.500.000	148.500.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	351.264.800	351.264.800
2. Các khoản phải trả	36.692.839.805	18.341.586.605
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	36.074.871.200	17.723.618.000

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2017*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Thu phí BOT, dịch vụ thu phí	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	4.307.491.019	1.514.950.194.387	715.688.952.510	2.234.946.637.916
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	28.377.795.646
Xây dựng cơ bản dở dang		4.145.822.652.518		4.145.822.652.518
Các khoản phải thu	493.434.327.231	1.097.009.144.840	60.936.648.463	1.651.380.120.534
Hàng tồn kho	41.507.715.279	-	-	41.507.715.279
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	5.068.582.284	146.440.808.793	177.915.736.027	329.425.127.104
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	888.392.613.485
Tổng tài sản				9.319.852.662.482
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	296.698.892.575	1.548.660.978.632	307.340.458.977	2.152.700.330.184
Phải trả tiền vay	568.996.922.864	2.544.302.132.787	1.488.817.984.331	4.602.117.039.982
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	31.838.766.005
Tổng nợ phải trả				6.786.656.136.171

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	178.388.063.367	976.181.531.367	203.609.437.269	1.358.179.032.003
Giảm trừ doanh thu	(27.178.258.363)	(144.834.264.572)	-	(172.012.522.935)
Doanh thu thuần	151.209.805.004	831.347.266.795	203.609.437.269	1.186.166.509.068
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	31.613.893.708	117.359.942.885	38.324.376.865	187.298.213.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.917.971	24.620.381.646	2.499.158.835	27.893.458.452
Lợi nhuận trong kỳ	30.839.975.737	92.739.561.239	35.825.218.030	159.404.755.006

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Thu phí BOT, dịch vụ thu phí	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	55.041.077.939	411.374.774.598	2.270.460.966.510	2.736.876.819.047
Tài sản cố định không thể phân bổ				30.523.198.412
Xây dựng cơ bản dở dang	136.269.549.191	827.128.756.970	3.524.680.615.084	4.488.078.921.245
Các khoản phải thu	500.603.228.788	579.530.247.375	298.662.724.614	1.378.796.200.777
Hàng tồn kho	45.596.861.786		1.955.648.421	47.552.510.207
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	17.858.849.724	40.982.158.711	221.866.144.435	280.707.152.870
Tài sản không thể phân bổ		-	-	1.000.325.993.059
Tổng tài sản				9.962.860.795.617
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	215.307.768.610	1.773.715.692.209	257.379.056.423	2.246.402.517.242
Phải trả tiền vay	396.003.880.957	668.637.949.309	4.098.450.684.921	5.163.092.515.187
Nợ phải trả không phân bổ				65.414.205.005
Tổng nợ phải trả				7.474.909.237.434

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	148.061.217.833	608.345.741.153	284.527.497.990	1.040.934.456.976
Giảm trừ doanh thu	(4.948.502.509)	(2.324.370.461)		(7.272.872.970)
Doanh thu thuần	143.112.715.324	606.021.370.692	284.527.497.990	1.033.661.584.006
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	18.029.360.813	151.758.681.420	50.120.357.275	219.908.399.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.816.353.486	30.028.690.556	6.012.293.949	38.857.337.991
Lợi nhuận trong kỳ	15.213.007.327	121.729.990.864	44.108.063.326	181.051.061.517

6.4 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	615.498.770.529	428.688.075.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.156.135.140.239	1.142.892.871.574
Các khoản cho vay	72.509.202.203	255.101.510.480
Đầu tư ngắn hạn	59.815.677.076	134.298.370.409
Đầu tư dài hạn	11.130.000.000	11.130.000.000
Tổng	1.915.088.790.047	1.972.110.827.917
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.163.092.515.187	4.579.742.075.547
Phải trả người bán và phải trả khác	2.052.901.601.645	1.893.752.254.636
Chi phí phải trả	41.253.194.414	40.444.232.127
Tổng	7.257.247.311.246	6.513.938.562.310

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	358.183.425.899	4.804.909.089.288	5.163.092.515.187
Phải trả người bán và phải trả khác	1.086.261.818.120	966.639.783.525	2.052.901.601.645
Chi phí phải trả	41.253.194.414	-	41.253.194.414
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	301.508.696.730	4.278.233.378.817	4.579.742.075.547
Phải trả người bán và phải trả khác	926.490.397.346	967.261.857.290	1.893.752.254.636
Chi phí phải trả	40.444.232.127	-	40.444.232.127

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	615.498.770.529	-	615.498.770.529
Phải thu khách hàng và phải thu khác	877.217.999.423	278.917.140.816	1.156.135.140.239
Các khoản cho vay	70.309.202.203	2.200.000.000	72.509.202.203
Đầu tư ngắn hạn	59.815.677.076	-	59.815.677.076
Đầu tư dài hạn	-	11.130.000.000	11.130.000.000
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.688.075.454	-	428.688.075.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	819.286.288.289	323.606.583.285	1.142.892.871.574
Các khoản cho vay	238.920.765.480	16.180.745.000	255.101.510.480
Đầu tư ngắn hạn	134.298.370.409	-	134.298.370.409
Đầu tư dài hạn	-	11.130.000.000	11.130.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

6.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2017

Thành viên HĐQT

Giấy ủy quyền số 06/UQ-TASCO

ngày 21/8/2017



Đặng Thị Trung Thu

Trần Thị Thanh

Nguyễn Việt Tân